

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 09-9-2025.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* ông Tòng Văn Hưng và ông Trần Văn Sơn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Tăng Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên T hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 11/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về việc: “Ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn N, sinh năm: 1967; địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị đơn:** Bà Ngô Thị G, sinh năm: 1971; địa chỉ: Thôn V, xã T, tỉnh Điện Biên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn ông Trần Văn N; trình bày:**

- *Về hôn nhân:* Ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới vào ngày 04 tháng 10 năm 1988 theo phong tục tập quán của địa phương; ông N nhớ hai vợ chồng có cùng nhau ra xã T, huyện Đ đăng ký kết hôn, tuy nhiên vì thời gian lâu ông không nhớ chính xác, không có giấy tờ chứng minh việc đăng ký kết hôn giữa ông và bà G. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng có hạnh phúc, sau đó vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, nảy sinh nhiều mâu thuẫn mà không giải quyết được. Đến năm 2007, ông N, bà G tự chia tay và tự thỏa thuận chia tài sản mà không đề nghị Tòa án giải quyết. Năm 2008, bà G quay về tiếp tục sống cùng ông và các con, tuy

nhiên đến năm 2021 cả hai tiếp tục mâu thuẫn, bà G bỏ đi làm ăn thỉnh thoảng về thăm con, cháu và anh em mà không quan tâm chăm sóc cho ông. Ông thấy rằng cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm với nhau, vì vậy ông N đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Điện Biên cho ông được ly hôn với bà Ngô Thị G.

- *Về con chung*: Ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G có 03 con chung là anh Trần Văn K; sinh ngày 04/02/1988; anh Trần Văn T, sinh ngày: 13/5/1995 và anh Trần Văn T; sinh ngày 25/9/1996; Do các con đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự nên ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con.

- *Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về*: Ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại phiên tòa hôm nay Bị đơn bà Ngô Thị G xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án bà G có Bản tự khai đề ngày 01/8/2025 trình bày như sau:***

- *Về hôn nhân*: Bà Ngô Thị G và ông Trần Văn N về sống nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục vào ngày 04/10/1988 là đúng sự thật, nhưng cả hai không đăng ký kết hôn, hiện tại bà G không còn tình cảm gì với ông N nữa nên đồng ý ly hôn với ông N.

- *Về con chung*: Bà Ngô Thị G khai thống nhất với trình bày của ông Trần Văn N; không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con.

- *Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về*: bà G khai thống nhất với ông N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Ngô Thị G trình bày thêm do bà G phải đi làm ăn xa nên bà G xin vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử của Tòa án. Đề nghị Tòa án vẫn gửi văn bản, giấy tờ về địa chỉ tại thôn V, xã T, tỉnh Điện Biên cho bà G sẽ có người nhà nhận hộ và báo cho bà G biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến việc đăng ký kết hôn giữa ông N và bà G, qua kiểm tra hồ sơ, tài liệu lưu giữ. UBND xã T có văn bản số: 197/UBND-VP ngày 13/8/2025 thể hiện không có thông tin đăng ký kết hôn giữa ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G.

Tòa án có văn bản yêu cầu các con của đương sự cho ý kiến về việc bố mẹ xin ly hôn và nhận được văn bản trả lời của anh Trần Văn K (con trai cả của ông N, bà G) với nội dung: Quá trình chung sống với bố mẹ từ nhỏ cho đến khi lập gia đình và ra ở riêng, anh Trần Văn K thấy bố mẹ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi vã, bất đồng quan điểm sống, đã được các con, anh chị em trong gia đình khuyên bảo nhưng bố mẹ không muốn hàn gắn tình cảm. Nay bố mẹ muốn ly hôn, anh K đồng ý với quyết định của bố mẹ. Anh K cũng có lời khai thể hiện bản thân đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của mình, không phụ thuộc vào bố mẹ nên nhất trí về việc bố mẹ không yêu cầu giải quyết trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản của bố mẹ anh K không tranh chấp gì.

Tại văn bản xác nhận của Trưởng thôn V, xã T, tỉnh Điện Biên cũng xác nhận thông tin ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G về sống với nhau khoảng những năm 1988, hiện tại có 03 con chung, các con điều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 -Điện Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người T hành tố tụng, người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G. Về con chung; tài sản chung, riêng của vợ chồng các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí buộc nguyên đơn ông Trần Văn N phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi công khai tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ông Trần Văn N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn cho nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ giải quyết là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Điện Biên.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Ngô Thị G có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm T hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

#### **[2] Về nội dung vụ án.**

**[2.1.]** Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn N thấy rằng:

Ông N trình bày hôn nhân giữa ông N và bà G được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, đã tổ chức cưới hỏi vào ngày 4/ 10/1988 về sống chung với nhau từ đó đến nay. Lời khai về thời điểm các đương sự về sống chung, trên cơ sở tự nguyện là thống nhất với nhau, có xác nhận của trưởng thôn V, xã T.

Tuy nhiên, Ông N và bà G về sống với nhau từ năm 1988 đến nay không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc không đăng ký kết hôn này là có căn cứ thể hiện qua lời khai của bị đơn bà Ngô Thị G và văn bản trả lời số 179, ngày 13/8/2025 của UBND xã T nơi nguyên đơn ông Trần Văn N cho rằng đã từng đến đăng ký kết hôn nhưng UBND xã đã xác nhận không có thông tin đăng ký kết hôn cho công dân Trần Văn N và bà Ngô Thị G.

Đối chiếu với các quy định của pháp luật sau:

Theo điểm b mục 3 Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

*“Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.*

*Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”.*

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.*

*Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”*

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định việc ông N và bà G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 đến nay mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Do ông Trần Văn N có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G.

**[2.2] Xét về con chung:** Ông Trần Văn N,; và bà Ngô Thị G có 03 con chung là anh Trần Văn K; sinh ngày 04/02/1988; anh Trần Văn T, sinh ngày: 13/5/1995 và anh Trần Văn T; sinh ngày 25/9/1996; Do các con đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống gia đình riêng, không ai bị mất năng lực hành vi dân sự cần bố mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trách nhiệm, nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung như ý kiến của các đương sự.

**[2.3] Xét về tài sản:** Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về: Ông N và bà G không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

**[3] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí ông N đã nộp tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Điện Biên.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa về giải quyết nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì cần giải quyết.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 51; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Căn cứ vào Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Văn N và bà Ngô Thị G.

**2. Về con chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**3. Về chia tài sản chung, tài sản riêng, tài sản chung; Nợ phải trả, nợ lấy về:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST ông N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000392 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. Ông N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

**5. Về quyền kháng cáo:** ông Trần Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ( 09/9/2025). Bà Ngô Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án công khai theo quy định.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 2 - Điện Biên;
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Nga**

